
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.250.093.165	118.905.871.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.672.890.071	9.419.559.424
1. Tiền	111		1.672.890.071	5.419.559.424
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		104.000.000.000	78.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	104.000.000.000	78.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.210.568.921	30.469.537.940
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	145.490.365	145.398.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	33.000.000	82.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	41.065.931.060	30.265.336.124
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(33.852.504)	(23.696.753)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	-	544.586.692
1. Hàng tồn kho	141		17.310.714	544.586.692
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.310.714)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		366.634.173	472.187.546
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	17.409.118	300.777.337
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.420.856	131.119.919
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		269.804.199	40.290.290
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.559.239.652	114.148.945.931
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.724.568	114.015.687
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.724.568	114.015.687
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.276.429.037	23.459.900.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.276.429.037	23.451.255.281
<i>Nguyên giá</i>	222		37.278.411.871	37.898.010.971
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.001.982.834)	(14.446.755.690)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	8.645.000
<i>Nguyên giá</i>	228		74.100.000	74.100.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(74.100.000)	(65.455.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	7.950.937.104	8.647.321.284
<i>Nguyên giá</i>	231		15.168.991.152	15.168.991.152
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(7.218.054.048)	(6.521.669.868)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		61.797.318.000	61.797.318.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	61.797.318.000	61.797.318.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.520.830.943	20.130.390.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.520.830.943	20.130.390.679
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.809.332.817	233.054.817.533

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.975.519.924	30.046.615.615
I. Nợ ngắn hạn	310		7.409.592.834	7.763.955.801
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	280.080.559	306.519.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	24.310.000	72.615.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.856.956.200	1.128.211.634
4. Phải trả người lao động	314		231.129.086	277.369.308
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	883.350.000	873.350.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	329.050.155	4.612.050.155
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	804.716.834	493.839.553
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.565.927.090	22.282.659.814
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	16.247.642.756	16.689.755.480
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	6.318.284.334	5.592.904.334
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.833.812.893	203.008.201.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	233.833.812.893	203.008.201.918
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.355.637.057	3.355.637.057
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.532.506.432	1.522.433.625
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.945.669.404	43.130.131.236
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.469.051.148	3.029.403.162
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.476.618.256	40.100.728.074
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.809.332.817	233.054.817.533

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên Hoa

Tổng Giám đốc



Đỗ Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Tráng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.637.407.732	26.380.660.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.637.407.732	26.380.660.002
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.211.664.376	4.161.414.873
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.425.743.356	22.219.245.129
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.354.659.248	30.550.311.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.569.535	20.952.311
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.984.303.708	5.822.395.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.833.382.834	4.908.092.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.957.146.527	42.018.116.238
11. Thu nhập khác	31	VI.7	696.673.861	575.903.290
12. Chi phí khác	32	VI.8	786.640.783	559.986.486
13. Lợi nhuận khác	40		(89.966.922)	15.916.804
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.867.179.605	42.034.033.042
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.390.561.349	1.933.304.968
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.476.618.256	40.100.728.074
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.479	2.561

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên Hoa

Tổng Giám đốc



Đỗ Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.867.179.605	42.034.033.042
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11,12	1.879.855.424	1.895.668.215
- Các khoản dự phòng	03		27.466.465	6.770.501
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	5.569.535	20.952.311
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(42.350.693.205)	(30.570.788.509)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.429.377.824	13.386.635.560
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.391.101)	1.600.618.202
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		527.275.978	713.831.972
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(921.190.288)	3.156.260.535
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.892.927.955	1.108.103.657
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(751.344.033)	(1.330.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(90.130.000)	(18.205.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.863.526.335	18.617.244.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	46.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.000.000.000)	(45.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.745.373.847	24.941.759.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.745.373.847	(17.012.240.667)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 17 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.350.000.000)	(3.487.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.350.000.000)	(3.487.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.741.099.818)	(1.882.495.941)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.419.559.424	11.323.007.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(5.569.535)	(20.952.311)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.672.890.071	9.419.559.424

Người lập biểu

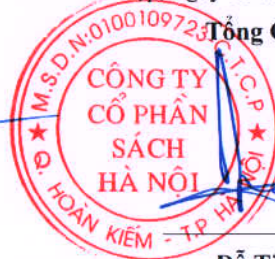
Nguyễn Thanh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên Hoa

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đỗ Tiến Dũng